



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

**Báo cáo tài chính**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013**



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2013: 10.000.000.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 28 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |          |                              |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Trần Nhật Tân     | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Lê Quang Dũng     | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Trần Văn Thắng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Nguyễn Hải Châu   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010     |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban kiểm soát

• Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Ông Nguyễn Hồng Ánh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Ngô Thị Thanh Bình	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 16/04/2013
• Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 16/04/2013
• Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2013
• Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 16/04/2013

### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2013



**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 763 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, được lập ngày 29/07/2013 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.



**KT Tổng Giám đốc**  
**Nguyễn Trọng Hiếu**  
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

**Nguyễn Thị Thúy**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1622-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.503.892.636</b>	<b>21.244.680.673</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>559.586.515</b>	<b>3.203.432.607</b>
1. Tiền	111	5	559.586.515	703.432.607
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	-	2.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.400.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	4.400.000.000	4.700.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.946.806.736</b>	<b>3.435.697.670</b>
1. Phải thu khách hàng	131		7.386.034.004	3.783.470.481
2. Trả trước cho người bán	132		50.944.000	51.494.500
3. Các khoản phải thu khác	135	8	-	8.250.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(490.171.268)	(407.517.311)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.597.499.385</b>	<b>9.905.550.396</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	10.243.373.822	10.640.301.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(645.874.437)	(734.751.016)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>407.147.250</b>	<b>312.450.521</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.268.519.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.268.519.997)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>402.800.000</b>	<b>307.800.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(231.200.000)	(326.200.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.347.250</b>	<b>4.650.521</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.347.250	4.650.521
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.911.039.886</b>	<b>21.557.131.194</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Ngày 30 tháng 06 năm 2013**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.440.803.543</b>	<b>5.280.855.538</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.385.803.543</b>	<b>5.225.855.538</b>
1. Phải trả người bán	312		3.320.047.124	1.723.872.890
2. Người mua trả tiền trước	313		14.077.500	14.077.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	171.200.971	555.049.997
4. Phải trả người lao động	315		1.613.854.260	1.420.721.106
5. Chi phí phải trả	316	14	1.095.982.475	929.969.780
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	69.870.244	82.032.296
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		100.770.969	500.131.969
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	16	55.000.000	55.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.470.236.343</b>	<b>16.276.275.656</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>15.470.236.343</b>	<b>16.276.275.656</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	609.344.310	609.344.310
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	2.370.477.659	3.176.516.972
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.911.039.886</b>	<b>21.557.131.194</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	565.679.294	565.679.294
2. Ngoại tệ các loại	-	-



Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

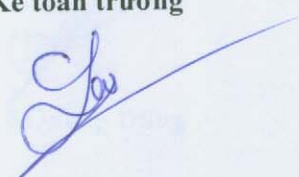
**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

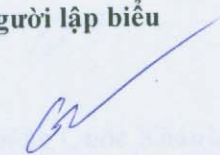
Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	11.195.706.298	10.207.409.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	11.195.706.298	10.207.409.040
4. Giá vốn hàng bán	11	19	7.310.382.007	6.708.737.189
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>3.885.324.291</b>	<b>3.498.671.851</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	338.261.286	521.223.927
7. Chi phí tài chính	22	21	(95.000.000)	(83.600.000)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		455.943.510	401.940.230
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.685.394.171	2.445.732.460
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.177.247.896</b>	<b>1.255.823.088</b>
11. Thu nhập khác	31	22	300.000	26.812.500
12. Chi phí khác	32	23	2.000.000	10.414.859
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.700.000)</b>	<b>16.397.641</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>24</b>	<b>1.175.547.896</b>	<b>1.272.220.729</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	181.587.209	313.112.932
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>24</b>	<b>993.960.687</b>	<b>959.107.797</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	994	959

**Giám đốc**  
  
Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2013

**Kế toán trưởng**  
  
Lê Quang Dũng

**Người lập biểu**  
  
Hoàng Quốc Khánh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	7.535.882.210	8.297.828.747
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(6.295.282.354)	(7.054.230.183)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.754.945.500)	(1.980.915.700)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(438.127.992)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	21.993.100	11.950.167
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(469.432.678)	(594.707.394)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.399.913.214)</b>	<b>(1.320.074.363)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	300.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	256.067.122	529.376.705
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>556.067.122</b>	<b>529.376.705</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.800.000.000)	(900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.800.000.000)</b>	<b>(900.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.643.846.092)</b>	<b>(1.690.697.658)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.203.432.607	2.841.398.570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>559.586.515</b>	<b>1.150.700.912</b>



Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5. Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định. Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã hết khấu hao.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### 4.6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.9. Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.10. Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.12. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản trong suốt thời gian hoạt động, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế giá trị gia tăng: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.13. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và các khoản phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	180.744.524	45.113.835
Tiền gửi ngân hàng	378.841.991	658.318.772
<b>Cộng</b>	<b>559.586.515</b>	<b>703.432.607</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>

### 7. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam vay	4.400.000.000	4.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.400.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 01-2013/HĐVV/HEV-NXBGDVN ngày 01/01/2013 thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2013 với lãi suất 11,5%/năm.

### 8. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	-	8.250.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.250.000</b>

### 9. Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.509.363	11.615.208
Chi phí SX, KD dở dang	29.658.000	30.070.500
Thành phẩm	10.143.005.999	10.564.996.434
Hàng hóa	51.200.460	33.619.270
<b>Cộng</b>	<b>10.243.373.822</b>	<b>10.640.301.412</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiền vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Tăng trong kỳ	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	40.333.284	40.333.284
Giảm khác	-	218.967.713	218.967.713
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.009.219.000</b>	<b>-</b>	<b>1.009.219.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	40.333.284	40.333.284
Giảm trong kỳ	-	218.967.713	218.967.713
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.009.219.000</b>	<b>-</b>	<b>1.009.219.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 1.009.219.000 đồng.  
Không có tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2013.

### 11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013		31/12/2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
- Cổ phiếu STC (*)	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (STC) (**)		(231.200.000)		(326.200.000)
<b>Cộng</b>		<b>402.800.000</b>		<b>307.800.000</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2013, Công ty đang sở hữu 38.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC.

(\*\*) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán này được lập căn cứ vào:

- Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ;
- Chênh lệch giữa giá giao dịch bình quân ngày 30/06/2013 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và giá gốc của chứng khoán đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa bìa sách chờ phân bổ	4.347.250	4.650.521
<b>Cộng</b>	<b>4.347.250</b>	<b>4.650.521</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	35.762	6.951.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp	131.587.209	388.127.992
Thuế thu nhập cá nhân	39.578.000	159.970.196
<b>Cộng</b>	<b>171.200.971</b>	<b>555.049.997</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 14. Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí đấu thầu bản thảo	111.656.000	282.609.780
Tiền nhuận bút phải trả	789.360.375	647.360.000
Phí quản lý xuất bản	24.475.500	-
Chi phí thuê văn phòng	170.490.600	-
<b>Cộng</b>	<b>1.095.982.475</b>	<b>929.969.780</b>

### 15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	20.567.294	51.524.346
Bảo hiểm xã hội	18.795.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.507.950	30.507.950
<b>Cộng</b>	<b>69.870.244</b>	<b>82.032.296</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	55.000.000	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.052.098.628
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.524.418.344
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.400.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>600.414.374</b>	<b>609.344.310</b>	<b>3.176.516.972</b>
Số dư tại 01/01/2013	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.176.516.972
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	993.960.687
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.800.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2013</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>600.414.374</b>	<b>609.344.310</b>	<b>2.370.477.659</b>

#### b. Cổ phiếu

	30/06/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.176.516.972	2.052.098.628
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	993.960.687	2.524.418.344
<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.800.000.000	900.000.000
- Chia cổ tức	1.800.000.000	900.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	500.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	500.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>2.370.477.659</b>	<b>3.176.516.972</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 06/04/2013.

### 18. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng doanh thu	11.195.706.298	10.207.409.040
+ Sách Đại học - Dạy nghề	10.153.887.481	9.671.683.581
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	481.313.637	339.500.000
+ Sách tham khảo mua ngoài	480.630.725	94.451.792
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	434.455	11.533.667
+ Bán giấy và dịch vụ biên tập	79.440.000	90.240.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.195.706.298</b>	<b>10.207.409.040</b>

### 19. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	6.539.282.016	6.421.672.637
Giá vốn sách liên kết phát hành trọn gói	355.611.824	255.505.408
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	464.300.976	85.010.750
Giá vốn sổ sách chuyên môn có thuế	343.770	7.105.319
Giá vốn giấy và dịch vụ biên tập	39.720.000	72.192.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(88.876.579)	(132.748.925)
<b>Cộng</b>	<b>7.310.382.007</b>	<b>6.708.737.189</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	311.661.286	471.823.927
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.600.000	49.400.000
<b>Cộng</b>	<b>338.261.286</b>	<b>521.223.927</b>

### 21. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(95.000.000)	(83.600.000)
<b>Cộng</b>	<b>(95.000.000)</b>	<b>(83.600.000)</b>

### 22. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu nhập từ thanh lý hàng tồn kho	300.000	-
Phí quản lý xuất bản được giảm	-	26.812.500
<b>Cộng</b>	<b>300.000</b>	<b>26.812.500</b>

### 23. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tiền nhuận bút năm 2011 (năm trước chi sót)	-	10.200.000
Chi phí khác	2.000.000	214.859
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>10.414.859</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.175.547.896	1.272.220.729
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	30.332.263	(19.769.000)
Điều chỉnh tăng	56.932.263	29.631.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	37.847.763	6.591.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành	19.084.500	23.040.000
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	26.600.000	49.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.205.880.159	1.252.451.729
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (10%)	799.218.873	-
- Thu nhập khác (25%)	406.661.286	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	181.587.209	313.112.932
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>993.960.687</b>	<b>959.107.797</b>

### 25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng cuối năm 2013 VND	6 tháng cuối năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	993.960.687	959.107.797
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	993.960.687	959.107.797
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>994</b>	<b>959</b>

### 26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí nhân công	1.958.842.624	2.406.854.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	12.613.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.192.687.514	6.718.641.692
Chi phí khác bằng tiền	255.429.259	418.300.161
<b>Cộng</b>	<b>9.406.959.397</b>	<b>9.556.409.879</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**27. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư

**b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ**

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2013 VND</u>	<u>6 tháng đầu năm 2012 VND</u>
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	74.264.660	265.651.060
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách ĐH-DN	397.495.780	785.918.480
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	1.361.493.242	1.150.039.218
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	836.616.208	612.150.670
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	2.308.308.264	1.515.913.036
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	589.140.344	644.915.080
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Mua tem chống giả Tiền điện, thuê nhà và các dịch vụ khác	5.859.792	14.256.000 183.718.411
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	737.563.733	258.556.913
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	427.335.500	395.325.000
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua hàng	414.824.000	-
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu nhập từ lãi cho vay	254.405.556	383.643.435

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 30/06/2013

Công ty liên quan	Nội dung	Nợ phải thu VND	Nợ phải trả VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Cho vay	4.400.000.000	-
	Lãi vay chưa thu	159.688.868	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	240.502.320	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	799.985.290	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	48.175.990	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Phải thu khách hàng	1.318.411.696	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Phải thu khách hàng	1.539.564.264	-
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	812.413.496	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội	Phải thu khách hàng	1.094.400	-
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Phải thu khách hàng	56.217.840	-
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	205.689.512	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	281.226.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	30.000.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	387.563.733
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Phải trả người bán	-	200.000.000
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Phải trả người bán	-	8.232.180
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Phải trả người bán	-	21.420.000

### 28. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 06/04/2013 đã thông qua phương án chia cổ tức của năm 2012 với tỷ lệ 18%/vốn điều lệ, tương ứng số tiền 1.800.000.000 đồng.

### 29. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá. Do không có ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.320.047.124	-	3.320.047.124
Chi phí phải trả	1.095.982.475	-	1.095.982.475
Phải trả khác	30.507.950	55.000.000	85.507.950
Cộng	<b>4.446.537.549</b>	<b>55.000.000</b>	<b>4.501.537.549</b>
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.723.872.890	-	1.723.872.890
Chi phí phải trả	929.969.780	-	929.969.780
Phải trả khác	30.507.950	55.000.000	85.507.950
Cộng	<b>2.684.350.620</b>	<b>55.000.000</b>	<b>2.739.350.620</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	559.586.515	-	559.586.515
Phải thu khách hàng	6.895.862.736	-	6.895.862.736
Phải thu khác	-	-	-
Cho vay	4.400.000.000	-	4.400.000.000
Đầu tư tài chính	-	402.800.000	402.800.000
<b>Cộng</b>	<b>11.855.449.251</b>	<b>402.800.000</b>	<b>12.258.249.251</b>

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.203.432.607	-	3.203.432.607
Phải thu khách hàng	3.375.953.170	-	3.375.953.170
Phải thu khác	8.250.000	-	8.250.000
Cho vay	4.700.000.000	-	4.700.000.000
Đầu tư tài chính	-	307.800.000	307.800.000
<b>Cộng</b>	<b>11.287.635.777</b>	<b>307.800.000</b>	<b>11.595.435.777</b>

### 30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

### 31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Số liệu so sánh của Báo cáo kết hoạt động quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012. Các báo cáo này đã được kiểm toán vào soát xét bởi AAC.



Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh